

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

Ngành Sư phạm Tiếng Anh - Trình độ đại học

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt)	Sư phạm tiếng Anh (Liên thông Cao đẳng – Đại học)
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh)	English Language Teacher Education
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Mã ngành đào tạo	7140231
5. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hình thức giáo dục thường xuyên hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
6. Thời gian đào tạo	2 năm
7. Loại hình đào tạo	Vừa làm vừa học
8. Số tín chỉ yêu cầu	51
9. Thang điểm	10 sau đó quy đổi thành thang điểm 4
10. Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quyết định 262/VBHN-ĐHAG ngày 18/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang
11. Văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
12. Vị trí làm việc	- Giáo viên tiếng Anh ở trường phổ thông, các trung tâm ngoại ngữ; các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước
13. Khả năng nâng cao trình độ	Có thể theo học sau đại học các chuyên ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng
14. Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh của các trường: Đại học An Giang, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ Huế, Đại học Kanyang, Hàn Quốc

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PROGRAM GOALS AND OUTCOMES)

I. Mục tiêu tổng quát (Program general goals-X)

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh liên thông cao đẳng – đại học có kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và đạo đức đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

II. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals - X.x)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

2.1. Kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh bậc 5 hoặc tương đương, kiến thức ngôn ngữ học, văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, phương pháp dạy học tiếng Anh và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

2.2. Kiến thức, kỹ năng tiếng Pháp hoặc tiếng Trung đáp ứng yêu cầu tuyển dụng viên chức ngành giáo dục.

2.3 Khai thác, sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hiện đại trong dạy và học tiếng Anh.

2.4 Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ.

2.5. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường giáo dục phổ thông.

2.6. Phẩm chất chính trị, phẩm chất nghề nghiệp, đạo đức, tác phong chuẩn mực, ý thức phục vụ cộng đồng, phục vụ xã hội, có trách nhiệm xã hội.

C. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo (Program plan)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
					Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành, Thí nghiệm	Tiền quyết	Học trước	Song hành		
A	<i>Khối kiến thức đại cương: 0TC (Bắt buộc: 0 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>												
B	<i>Khối kiến thức cơ sở ngành: 0TC (Bắt buộc: 0 TC; Tự chọn: 0TC)</i>												
C	<i>Khối kiến thức chuyên ngành: 41TC (Bắt buộc: 37TC; Tự chọn: 04TC)</i>												
1.	GSK501V	Nói 1	2	2		20							I
2.	GSK502V	Nghe 1	2	2		20							I
3.	GSK503V	Đọc hiểu 1	2	2		20							I
4.	GSK504V	Viết 1	2	2		20							I

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết		Học kỳ (dự kiến)
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành, Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
5.	PED504V	Phương pháp giảng dạy 1	2	2		20					I
6.	LAS503V	Ngữ pháp 1	2	2		20					I
7.	LAS519V	Dịch thuật 1	2	2		20					I
8.	GSK505V	Nói 2	2	2		20			1		II
9.	GSK506V	Nghe 2	2	2		20			2		II
10.	GSK507V	Đọc hiểu 2	2	2		20			3		II
11.	GSK508V	Viết 2	2	2		20			4		II
12.	PED505V	Phương pháp giảng dạy 2	2	2	2	20			5		II
13.	PED563V	Kiểm tra và Đánh giá	2		2	20			5		II
14.	LAS514V	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	2			20			5		II
15.	GSK509V	Nói 3	2	2		20			8		III
16.	GSK510V	Nghe 3	2	2		20			9		III
17.	GSK511V	Đọc hiểu 3	2	2		20			10		III
18.	GSK512V	Viết 3	2	2		20			11		III
19.	PED621V	Nghiên cứu cải tiến Sư phạm	3	3		30			12		III
20.	LAS516V	Ngữ nghĩa học	2		2	20			6		III
21.	LAS525V	Ngữ âm học – Âm vị học	2			20			6		III
D	Khởi kiến thức thực tập nghề nghiệp (Bắt buộc: 0, TC: 0), Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế 10 TC (Bắt buộc: 04 TC; Tự chọn: 06 TC)										
23.	EDU952V	Khóa luận tốt nghiệp – ĐHSPTA	10	10		105					IV
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp											
24.	LAS511V	Cú pháp	2	2		20			6		IV
25.	LAS513V	Hình thái học	2	2		20			6		IV
26.	LAS520V	Dịch thuật 2	2			20			7		IV
27.	LIT502V	Văn chương Anh	2			20					IV
28.	LIT504V	Văn chương Hoa Kỳ	2			20					IV
29.	PED506V	Phương pháp giảng dạy 3	2	2		20			12		IV
30.	LAS515V	Ngữ dụng học	2	2		20			6		IV
Tổng số tín chỉ toàn chương trình: 51TC (Bắt buộc: 41TC; Tự chọn: 10TC)											

II. Kế hoạch giảng dạy (Teaching plan)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Loại HP		Số tiết	
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành, Thí nghiệm
Tổng số tín chỉ học kỳ I: 14 (Bắt buộc: 14; Tự chọn: 0)							
1.	GSK501V	Nói 1	2	2		20	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số Tín chỉ	Loại HP		Số tiết	
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành, Thí nghiệm
2.	GSK502V	Nghe 1	2	2		20	
3.	GSK503V	Đọc hiểu 1	2	2		20	
4.	GSK504V	Viết 1	2	2		20	
5.	PED504V	Phương pháp giảng dạy 1	2	2		20	
6.	LAS519V	Dịch thuật 1	2	2		20	
7.	LAS503V	Ngữ pháp 1	2	2		20	
Tổng số tín chỉ học kỳ II: 14 (Bắt buộc: 10; Tự chọn: 02)							
1.	GSK505V	Nói 2	2	2		20	
2.	GSK506V	Nghe 2	2	2		20	
3.	GSK507V	Đọc hiểu 2	2	2		20	
4.	GSK508V	Viết 2	2	2		20	
5.	PED505V	Phương pháp giảng dạy 2	2	2		20	
6.	PED563V	Kiểm tra và Đánh giá	2		2	20	
7.	LAS514V	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	2			20	
Tổng số tín chỉ học kỳ III: 13 (Bắt buộc: 13; Tự chọn: 02)							
1.	GSK509V	Nói 3	2	2		20	
2.	GSK510V	Nghe 3	2	2		20	
3.	GSK511V	Đọc hiểu 3	2	2		20	
4.	GSK512V	Viết 3	2	2		20	
5.	PED621V	Nghiên cứu cải tiến sư phạm	3			30	
6.	LAS516V	Ngữ nghĩa học	2		2	20	
7.	LAS525V	Ngữ âm học – Âm vị học	2			20	
Tổng số tín chỉ học kỳ IV: 10 (Bắt buộc: 04; Tự chọn: 06)							
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							
1.	LAS511V	Cú pháp	2			20	
2.	LAS513V	Hình thái học	2			20	
3.	LAS520V	Dịch thuật 2	2			20	
4.	LIT502V	Văn chương Anh	2			20	
5.	LIT504V	Văn chương Hoa Kỳ	2			20	
6.	PED506V	Phương pháp giảng dạy 3	2			20	
7.	LAS515V	Ngữ dụng học	2			20	

An Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Bộ môn PPGD tiếng Anh

Phó Trưởng Khoa

